TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ TIÊN** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 18/2023/HNGĐ-ST
Ngày 27/7/2023
V/v "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ TIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thanh Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Thu Hằng.

2. Bà Lâm Lệ Oanh.

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Hứa Quốc Cường – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa*: Bà Lâm Thanh Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 46/2023/TLST-HNGĐ ngày 12/4/2023 về việc "Xin ly hôn", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Trần Văn T**, sinh năm 1966 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ 6, khu phố 3, phường P, thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang.

- Bị đơn: Bà **Trần Mỹ N**, sinh năm 1969 (tên khác là Trần Kim D) (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 6, khu phố 3, phường P, thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang.

NỘI D VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 16 tháng 3 năm 2023 và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Trần Văn T trình bày: Ông và bà Trần Mỹ N chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1986 cho đến nay nhưng không có đăng ký kết hôn. Cuộc sống vợ chồng lúc đầu hạnh phúc, sau này thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, tính tình không còn hợp nhau. Bà N hay ghen tuông, lời nói, hành động không có chuẩn mực, thường xuyên xúc phạm ông và mọi người xung quanh vô cớ. Trước đây ông có nộp đơn đến Tòa yêu cầu xin được ly hôn với bà N nhưng được hòa giải nên ông đã rút đơn để về hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng bà N vẫn không thay đổi. Nay ông T xét thấy không thể tiếp tục chung sống với bà N nên khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với bà N.

Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Thị Kim H, sinh ngày 01/01/1990 hiện con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có tài sản chung, không có nợ chung và không cho ai vay nợ nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Trần Mỹ N (Trần Kim D) đã được tống đạt hợp lệ tất cả các văn bản tố tụng của Tòa án, tuy nhiên bị đơn không có mặt, không có ý kiến trình bày về nội D vụ việc để Tòa án xem xét.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang phát biểu ý kiến: Về việc chấp hành pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội D vụ án, xét thấy ông Trần Văn T và bà Trần Mỹ N chung sống với nhau trước năm 1987 nhưng không có đăng ký kết hôn nên đây là hôn nhân thực tế, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho ông Trần Văn T được ly hôn với bà Trần Mỹ N. Ông bà không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung không có nên không xem xét. Buộc nguyên đơn nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả xét hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, căn cứ Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đây là vụ án có quan hệ pháp luật tranh chấp Hôn nhân và gia đình về việc xin ly hôn. Trong vụ án này bị đơn bà Trần Mỹ N (Trần Kim D) đang cư trú tại khu phố 3, phường P, thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hà Tiên.

[2] Về nội D vụ án và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Ông Trần Văn T và bà Trần Mỹ N (Trần Kim D) chung sống với nhau từ năm 1986 nhưng không đăng ký kết hôn. Do ông bà chung sống với nhau không có đăng ký kết hôn trước năm 1987 nên được xem là hôn nhân thực tế, khi có yêu cầu ly hôn thì Toà án giải quyết theo quy định về ly hôn của Luật hôn nhân và gia đình. Ông T trình bày trong quá trình chung sống với nhau giữa ông và bà N (D) không có hạnh phúc, thường xảy ra nhiều mâu thuẫn, cự cải nên tình cảm vợ chồng không còn. Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, bà N không có ý kiến. Qua xác minh, mâu thuẫn giữa ông T và bà N chính quyền địa phương cũng địa phương cũng có biết. Ông bà tự ý không chung sống với nhau khoảng 01 năm nay, trong thời gian không chung sống ông bà không có qua lại thăm hỏi, quan T chăm sóc lẫn nhau. Ông T đã có gửi đơn ly hôn với bà N đến Toà án nhưng sau đó rút đơn để vợ chồng về hàn gắn tình cảm. Tuy nhiên đến nay quan hệ hôn nhân của ông và bà N không hề hàn gắn. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, ông bà không ai còn quan T nhau. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận cho ông Trần Văn T ly hôn với bà Trần Mỹ N ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, quy định về ly hôn theo yêu cầu của một bên.

Về con chung: Quá trình chung sống có 01 người con chung tên Trần Thị Kim H, sinh ngày 01/01/1990, hiện nay con chung đã trưởng thành, ông T không có yêu cầu về con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông T trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Ông T khởi kiện nên phải nộp án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 9, Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của ông Trần Văn T, cho ông Trần Văn T ly hôn với bà Trần Mỹ N (Trần Kim D).

2. Về con chung: Ông Trần Văn T với bà Trần Mỹ N (Trần Kim D) có 01 người con chung tên Trần Thị Kim Hoa, sinh ngày 01/01/1990, hiện nay con chung đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Ông T trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Ông Trần Văn T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn số tiền là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ tiền tạm ứng án phí mà ông T đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai tạm ứng án phí số 0001533 ngày 07 tháng 4 năm 2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Hà Tiên, nay ông không phải nộp thêm.

Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự; người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh KG;*
- *VKSND tỉnh Kiên Giang*
- *VKSND thành phố Hà Tiên;*
- *Chi cục THADS thành phố Hà Tiên;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thanh Phương

Hội thẩm nhân dân ***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa***